TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS- ST
Ngày: 28- 4- 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Đình Đại
Ông Nguyễn Ngọc Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Minh Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST- HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06, ngày 15 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đặng Xuân N- sinh ngày 24 tháng 3 năm 1992 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 9, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân B sinh năm 1971và bà Đào Thị Nh sinh năm 1970; có vợ là Tạ Thị H1 sinh năm 1993 và 03 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ 15 giờ 40 phút ngày 16/12/2021 đến 15 giờ 40 phút ngày 22/12/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2021 đến ngày 14/3/2022, hiện tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Xuân H- sinh ngày 19 tháng 11 năm 1991 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc B1 sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị D sinh năm 1965; có vợ là Nguyễn Thị Hồng H2 sinh năm 1996 và 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ 15 giờ 40 phút ngày 16/12/2021 đến 15 giờ 40 phút ngày 22/12/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2021 đến ngày 14/3/2022, hiện tại ngoại. Có mặt.

3. Đặng Xuân S- sinh ngày 02 tháng 02 năm 1980 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quang U sinh năm 1928 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh1 sinh năm 1928; có vợ là Lê Thị Việt H3 sinh năm 1977 và 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ 15 giờ 40 phút ngày 16/12/2021 đến 15 giờ 40 phút ngày 22/12/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2021 đến ngày 14/3/2022, hiện tại ngoại. Có mặt.

4. Dương Quốc T- sinh ngày 12 tháng 10 năm 1995 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn A sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị K sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ 15 giờ 40 phút ngày 16/12/2021 đến 15 giờ 40 phút ngày 22/12/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2021 đến ngày 14/3/2022, hiện tại ngoại. Có mặt.

5. Lê Hồng P- sinh ngày 12 tháng 3 năm 1969 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 7, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V sinh năm 1931 và bà Lê Thị H4 sinh năm 1933 (đều đã chết); có vợ là Dương Thị Th sinh năm 1976 và 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996), tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ 15 giờ 40 phút ngày 16/12/2021 đến 15 giờ 40 phút ngày 22/12/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2021 đến ngày 14/3/2022, hiện tại ngoại. Có mặt.

6. Ngô Hữu G- sinh ngày 10 tháng 10 năm 1975 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Phúc Kh sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị C1 sinh năm 1953; có vợ là Trần Thị Nh2 sinh năm 1976 và 02 con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ 15 giờ 40 phút ngày 16/12/2021 đến 15 giờ 40 phút ngày 22/12/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/12/2021 đến ngày 14/3/2022, hiện tại ngoại. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân H: Bà Bùi Thu H4- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trần Văn Q- sinh năm 1961

Trú tại: Khu 7, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;

- Ông Dương Văn A- sinh năm 1971

Trú tại: Khu 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

* Người làm chứng:

- Anh Trần Mạnh H5- sinh năm 1996

- Anh Lê Thành C2- sinh năm 1987

Đều trú tại: Khu 7, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

* Người chứng kiến: Ông Nguyễn Chiến Th1- sinh năm 1958

Đều trú tại: Khu 7, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; người chứng kiến đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 40 phút ngày 16/12/2021, tại nhà ông Trần Văn Q, sinh năm 1961 ở khu 7, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, Công an huyện Đ phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với: Ngô Hữu G sinh năm 1975, Đặng Xuân S sinh năm 1980, Nguyễn Xuân H sinh năm 1991, Dương Quốc T sinh năm 1995 đều ở khu 8 xã M, huyện Đ, Đặng Xuân N sinh năm 1992 ở khu 9, xã M, huyện Đ và Lê Hồng P sinh năm 1969 ở khu 7, xã C, huyện Đ đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "liêng", được thua bằng tiền. Thu giữ tại vị trí đánh bạc số tiền 5.510.000 đồng (*năm triệu năm trăm mười nghìn đồng*), 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân, 01 chiếu cói màu vàng- đỏ; tạm giữ trong túi áo khoác bên phải của Lê Hồng P số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Quá trình điều tra đã làm rõ nội dung vụ án như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 16/12/2021, Đặng Xuân N điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova G, biển số 19A- 015.xx của N đến nhà ông Trần Văn Q để đi câu cá tại đồng nước gần đó. Khi đi đến đoạn đường thuộc khu 8, xã M, huyện Đ, N gặp Nguyễn Xuân H đang đi bộ. N rủ H cùng đi câu cá. H đồng ý, lên xe ô tô cùng đến nhà ông Q. Khi đến nơi, nhà ông Q không có ai ở

nhà nhưng không đóng cửa. N và H vào ngồi uống nước tại bàn trong phòng khách nhà ông Q. Khoảng 05 phút sau, Đặng Xuân S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream II, biển số 15-114.xx của S cũng đến nhà ông Q chơi. S thấy N và H đang ngồi uống nước tại phòng khách nên vào cùng uống nước. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Lê Hồng P đi bộ đến nhà ông Q để đem tiền cho ông Q vay, thấy N, H, S đang ngồi tại phòng khách nên P vào ngồi nói chuyện cùng. Sau đó, N gọi điện cho Ngô Hữu G, nhờ mua hộ 01 lon nước và 01 chiếc bánh mỳ. G đồng ý, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 19E1-192.xx của G đi mua nước và bánh mỳ đem đến nhà ông Q cho N. Khi đến nơi, G vào ngồi uống nước cùng N, H, S và P. Trong khi uống nước, N nhìn thấy bộ bài Tú lơ khơ để trên giường nhà ông Q nên cầm bộ bài và nói: "Xuống làm tý". H, S, G và P hiểu ý N rủ đánh bạc nên tất cả cùng ngồi xuống chiếc chiếu cói trải sẵn trên nền phòng khách nhà ông Q, thống nhất đánh bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "Liêng" như sau: Người cầm cái lần lượt chia bài Tú lơ khơ cho người chơi theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, mỗi người 03 quân bài. Sau khi chia bài xong, mỗi người chơi để 10.000 đồng vào giữa vị trí đánh bạc (gọi là góp gà). Người chơi lên bài, cộng điểm các quân bài để tính điểm, các quân từ A đến 9 tương ứng từ 1 đến 9 điểm, quân 10 và quân có hình J, Q, K không tính điểm, 3 quân giống nhau, khác chất là "Sáp", 3 quân bài liền kề nhau là "Liêng". "Sáp" cao nhất, sau đó đến "Liêng" rồi đến tính điểm, khi tính điểm thì 9 điểm là lớn nhất, bằng điểm thì so chất theo thứ tự từ cao xuống thấp là: rô, cơ, tép, bích. "Sáp" và "Liêng" tính theo thứ tự A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2. Chất theo thứ tự từ cao xuống thấp là: rô, cơ, tép, bích. Người chơi được quyền "Tố" (cược thêm), theo thứ tự từ người chia bài, theo vòng ngược kim đồng hồ, nhưng không được "Tố" quá 100.000 đồng, ai theo thì góp tiền vào số tiền người "Tố" yêu cầu, ai không theo thì thua, không tính điểm ván đó, những người còn lại tính điểm, ai cao hơn thì được toàn bộ số tiền góp gà và số tiền người chơi "Tố". Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Dương Quốc T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 19S1-1613 của ông Dương Văn A (bố đẻ T), sinh năm 1971 ở khu 8, xã M, huyện Đ đến nhà ông Q chơi. Thấy N, H, S, P, G đang đánh bạc nên T cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, anh Trần Mạnh H5 sinh năm 1996 và anh Lê Thành C2 sinh năm 1987, đều ở khu 7, xã C đến nhà ông Q, thấy N, H S, P, G, T đang đánh bạc, anh H5 và anh C2 đứng xem, không tham gia đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 15 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Đ phát hiện, lập biên bản.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là: 5.510.000 đồng. Số tiền mỗi bị cáo sử dụng đánh bạc, thắng thua bạc cụ thể như sau:

Đặng Xuân N mang theo và sử dụng 1.750.000 đồng đánh bạc, thua 260.000 đồng.

Nguyễn Xuân H mang theo và sử dụng 1.960.000 đồng đánh bạc, thua 320.000 đồng.

Đặng Xuân S mang theo và sử dụng 550.000 đồng đánh bạc, thắng 100.000 đồng.

Lê Hồng P mang theo 5.460.000 đồng, sử dụng 460.000 đồng đánh bạc, thua 110.000 đồng. Riêng số tiền 5.000.000 đồng P cất trong túi áo khoác bên phải, mục đích để cho ông Trần Văn Q vay, không sử dụng đánh bạc.

Ngô Hữu G mang theo và sử dụng 260.000 đồng đánh bạc, thắng 620.000 đồng.

Dương Quốc T mang theo và sử dụng 530.000 đồng đánh bạc, thua 30.000 đồng;

Quá trình điều tra xác định: Trong khi các bị cáo đánh bạc tại nhà ông Trần Văn Q, thì ông Q đi vắng. Ông Q không biết, không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Đ không xử lý đối với ông Q.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT- VKSĐH ngày 14/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Đặng Xuân N, Nguyễn Xuân H, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Lê Hồng P và Dương Quốc T về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

* Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo: Đặng Xuân N, Nguyễn Xuân H, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Lê Hồng P, Dương Quốc T phạm tội: "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật hình sự, xử phạt:

+ Đặng Xuân N từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Nguyễn Xuân H từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 11 tháng 12 ngày đến 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Lê Hồng P từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 08 tháng 12 ngày đến 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Đặng Xuân S từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 08 tháng 12 ngày đến 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Dương Quốc T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 08 tháng 12 ngày đến 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Ngô Hữu G từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 05 tháng 12 ngày đến 08 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Khấu trừ 05% thu nhập/tháng của các bị cáo trong thời gian chấp hành án = 3.000.000 đồng x 05%/tháng = 150.000 đồng/tháng.Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.510.000 đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu cói, 01 bộ bài Tú lơ khơ.

+ Trả lại cho Lê Hồng P 5.000.000 đồng.

+ Xác nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Đ đã trả lại cho: Ngô Hữu G 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 19E -192.xx; Đặng Xuân S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream II, biển số 15-114.xx; ông Dương Văn A 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 19S- 16xx; Đặng Xuân N 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova G, biển số 19A - 015.xx.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

+ Buộc các bị cáo: Đặng Xuân N, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Lê Hồng P và Dương Quốc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng.

+ Miễn nộp tiền án phí cho bị cáo Nguyễn Xuân H, do bị cáo là cá nhân thuộc hộ cận nghèo.

* Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

* Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Xuân H trình bày ý kiến bào chữa: Người bào chữa không có ý kiến gì về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ của Nguyễn Xuân H mà Viện kiểm sát đã nêu. Trong vụ án này, vai trò của Nguyễn Xuân H không phải là người khởi xướng, mà bị rủ rê. Do bị cáo là cá nhân thuộc hộ cận nghèo, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Nguyễn Xuân H được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Xuân H không bổ sung ý kiến bào chữa.

* Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Đặng Xuân N: Mong Tòa xử để bị cáo được ở nhà nuôi con.

- Các bị cáo: Nguyễn Xuân H, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Lê Hồng P, Dương Quốc T đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu điều tra khác. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng từ 13 giờ 30 phút đến 15 giờ 40 phút ngày 16/12/2021, tại nhà ở của ông Trần Văn Q ở khu 7, xã C huyện Đ, các bị cáo: Đặng Xuân N, Nguyễn Xuân H, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Lê Hồng P và Dương Quốc T đã có hành vi đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "liêng". Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.510.000 đồng (*năm triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

[3]. Hành vi nêu trên của Đặng Xuân N, Nguyễn Xuân H, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Lê Hồng P và Dương Quốc T đã phạm vào tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[4]. Tội phạm mà các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vẫn cố

ý thực hiện. Vì vậy cần phải xử nghiêm để giáo dục các bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và ngăn chặn, phòng ngừa chung.

[5]. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cùng được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục.

[6]. Ông Trần Văn Q là chủ nhà nơi các bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc. Do ông Q không biết, không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xử lý đối với ông Q là phù hợp.

[7]. Hội đồng xét xử đánh giá vai trò, hành vi phạm tội của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt như sau:

Đặng Xuân N là người khởi xướng việc đánh bạc. Số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc là 1.750.000 đồng. Vì vậy, mức phạt đối với N cần cao hơn các bị cáo khác.

Đặng Xuân S, Lê Hồng P, Dương Quốc T sử dụng số tiền để đánh bạc gần bằng nhau (trong khoảng trên, dưới 500.000 đồng), nên mức hình phạt sẽ ngang nhau. Mức phạt đối với Nguyễn Xuân H phải cao hơn 03 bị cáo trên, do số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc lớn hơn (1.960.000 đồng).

Ngô Hữu G sử dụng số tiền để đánh bạc ít nhất trong 06 bị cáo (260.000 đồng), vì vậy mức phạt đối với G sẽ thấp hơn các bị cáo khác và ở mức khởi điểm là phù hợp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về loại hình phạt, mức hình phạt đối với mỗi bị cáo và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân H là có căn cứ pháp luật, phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8]. Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo đều bị tạm giữ 06 ngày. Thời gian tạm giữ đó sẽ được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ: Cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

[9]. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, trong thời gian chấp hành án, người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước.

Theo tài liệu xác minh của cơ quan điều tra, các bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do và làm ruộng, thu nhập bình quân của mỗi bị cáo là 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, khấu trừ thu nhập của các bị cáo mức 05%/tháng (3.000.000 đồng x 05%/tháng = 150.000 đồng/tháng) trong thời gian chấp hành hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Thời điểm xảy ra vụ án, Đặng Xuân N có 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova G là tài sản chung của vợ chồng bị cáo. Hiện nay chiếc xe này không còn, do vợ chồng bị cáo đã bán để trả nợ (Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh kinh tế khó khăn, được UBND xã M nơi bị cáo cư trú xác nhận). Kết quả điều tra xác định các bị cáo đều không có tài sản riêng, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 06 bị cáo.

[11]. Về xử lý vật chứng:

- Trong số tiền 10.510.000 đồng đang tạm giữ, có 5.510.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc; đây là công cụ, P tiện phạm tội và tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Số tiền 5.000.000 đồng còn lại là tài sản hợp pháp của bị cáo Lê Hồng P, không liên quan đến việc đánh bạc, sẽ trả lại cho bị cáo.

- 01 bộ bài Tú lơ khơ, 01 chiếu cói là tài sản của ông Trần Văn Q, các bị cáo sử dụng để phục vụ cho việc đánh bạc. Do ông Q không yêu cầu nhận lại các tài sản trên, mặt khác chúng không có giá trị, sẽ tịch thu tiêu hủy.

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ một số xe ô tô, mô tô của các bị cáo, sau đó đã trả lại cho chủ sở hữu. Xét thấy các xe đó không phải là vật chứng, việc trả lại là hợp pháp, cần xác nhận.

[12] Về án phí:

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Xuân H là cá nhân thuộc hộ cận nghèo, nên được miễn nộp tiền án phí. Các bị cáo còn lại phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố: Các bị cáo: Đặng Xuân N, Nguyễn Xuân H, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Lê Hồng P, Dương Quốc T phạm tội: "Đánh bạc".

- Xử phạt Đặng Xuân N 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ là 06 (Sáu) ngày, quy đổi thành 18

(Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Nguyễn Xuân H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ là 06 (Sáu) ngày, quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Lê Hồng P 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ là 06 (Sáu) ngày, quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Đặng Xuân S 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ là 06 (Sáu) ngày, quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Dương Quốc T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ là 06 (Sáu) ngày, quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt Ngô Hữu G 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ là 06 (Sáu) ngày, quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (Năm) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Lê Hồng P cho UBND xã C; giao Đặng Xuân N, Nguyễn Xuân H, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Dương Quốc T cho UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự. Nếu các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian chấp hành án đối với Đặng Xuân N, Nguyễn Xuân H, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Lê Hồng P, Dương Quốc T để sung quỹ nhà nước, mỗi bị cáo là 150.000 đồng/tháng (Một trăm năm mươi nghìn đồng một tháng). Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.510.000 đồng (Năm triệu năm trăm mười nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu cói màu vàng- đỏ, kích thước 160cm x 180 cm; 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, kích thước mỗi quân bài 6,7 cm x 8,7 cm, mặt sau quân bài họa tiết màu vàng- xanh.

- Trả lại cho bị cáo Lê Hồng P 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

(Các vật chứng, tài sản nêu trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

- Xác nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Đ đã trả lại cho:

+ Ngô Hữu G 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 19E -192.xx;

+ Đặng Xuân S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream II, biển số 15-114.xx;

+ Ông Dương Văn A 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 19S1 -16xx;

+ Đặng Xuân N 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova G, biển số 19A -015.xx.

(Có biên bản về việc trả lại tài sản lưu trong hồ sơ).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Buộc các bị cáo: Đặng Xuân N, Đặng Xuân S, Ngô Hữu G, Lê Hồng P, Dương Quốc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Miễn nộp tiền án phí cho bị cáo Nguyễn Xuân H, do bị cáo là cá nhân thuộc hộ cận nghèo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo; người có QL, NVLQ;
- UBND các xã: M, C;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa